



gāo yáng

羔羊

noun · lamb (often used metaphorically)

Example Sentences

zhè zhī gāo yáng hěn kě ài
这只羔羊很可爱。

This lamb is very cute.

tā xiàng yī zhī mí lù de gāo yáng
他像一只迷路的羔羊。

He is like a lost lamb.

zài zōng jiào gù shì zhōng gāo yáng cháng xiàng zhēng chún jié yǔ xī shēng
在宗教故事中，羔羊常象征纯洁与牺牲。

In religious stories, the lamb often symbolizes purity and sacrifice.

Trace each character, then write the word on your own.

羔	羔	羔	羔	羔	羔	羔	羔	羔	羔	羔
羔	羔									

羊	羊	羊	羊	羊	羊	羊	羊	羊		
